



Báo cáo

Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng

Xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi

MỤC LỤC

A.GIỚI THIỆU CHUNG	4
2.Địa hình.....	4
3.Đặc điểm thời tiết khí hậu.....	4
4.Xu hướng thiên tai, khí hậu.....	5
5.Hiện trạng Dân số	5
6.Hiện trạng sử dụng đất đai	6
7.Đặc điểm và cơ cấu kinh tế.....	7
B. ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ VÀ ĐIỀU KIỆN DỄ TỒN THƯƠNG VỚI THIÊN TAI/BĐKH	7
1.Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH.....	7
2.Tóm tắt kết quả bản đồ Vùng nguy cơ thiên tai/BĐKH dựa trên bản đồ sơ họa	8
3.Lịch sử thiên tai/BĐKH	8
4.Nhóm dễ bị tổn thương	10
5.Đánh giá hạ tầng và dịch vụ công cộng	10
6.Đánh giá hiện trạng nhà ở.....	11
7.Số lượng nhà trong vùng có nguy cơ thiên tai và BĐKH	11
8.Điều kiện Nước sạch, vệ sinh và môi trường.....	12
9. Y tế - Hiện trạng dịch bệnh liên quan đến thiên tai, BĐKH.....	12
10.Y tế dự phòng- khả năng phòng ngừa dịch bệnh trong điều kiện thiên tai, BĐKH.....	13
11.Hiện trạng rừng và mức độ rủi ro với thiên tai và BĐKH	13
12.Hiện trạng sinh kế xung quanh rừng.....	14
13.Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai và BĐKH trong Hoạt động sản xuất kinh doanh.....	14
14.Hiện trạng hệ thống thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	15
15.Hiện trạng năng lực phòng chống thiên tai/thích ứng BĐKH.....	16
C.KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI/BĐKH THEO LĨNH VỰC/NGÀNH	17
1.Kết quả đánh giá Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)	17
2.Kết quả đánh giá về nhà ở.....	19
3.Kết quả đánh giá về Nước sạch, vệ sinh và môi trường:	20
4.Kết quả đánh giá về y tế.....	21
5.Kết quả đánh giá về giáo dục.....	21
6.Kết quả đánh giá về rừng: Địa phương không có rừng, chủ yếu trồng xen khu dân cư.....	22
7.Kết quả đánh giá về trồng trọt.....	23
8.Kết quả đánh giá về chăn nuôi.....	24
9.Kết quả đánh giá ngành thủy sản	25
10.Kết quả đánh giá lĩnh vực du lịch: xã không có du lịch.....	25
11.Kết quả đánh giá các ngành buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác	26

12.Kết quả đánh giá lĩnh vực thông tin truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về Thiên tai và biến đổi khí hậu? và cảnh báo sớm.....	26
13.Kết quả đánh giá lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TU BDKH	28
14.Kết quả đánh giá một số lĩnh vực/ngành then chốt khác của địa phương.....	29
D.TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ LIÊN NGÀNH & GIẢI PHÁP	29
1.Tổng hợp kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BDKH.....	29
2.Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BDKH.....	34
E. PHỤ LỤC BÁO CÁO.....	38

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG
Xã Nghĩa Hiệp, Huyện Tư Nghĩa, Tỉnh Quảng Ngãi

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội. Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và là đầu vào cho dự án GCF.

A.GIỚI THIỆU CHUNG

1. Vị trí địa lý :

Xã Nghĩa Hiệp là xã đồng bằng, nằm về phía Đông - Nam huyện Tư Nghĩa cách trung tâm huyện khoảng 10km:

- + Phía Đông giáp: Xã Đức Lợi-huyện Mộ Đức;
- + Phía Tây giáp: Xã Nghĩa Phương, Thị Trấn Sông Vệ;
- + Phía Nam giáp: Xã Đức Thắng, Đức Nhuận; Huyện Mộ Đức;
- + Phía Bắc giáp: Xã Nghĩa Thương và Nghĩa Hòa.

2. Địa hình

Địa hình: Xã Nghĩa Hiệp có địa hình tương đối bằng phẳng, hướng dốc chủ yếu từ Tây sang Đông và từ Nam đến Bắc, mang đặc trưng của vùng địa hình trũng với độ cao trung bình từ 2-5m.

3. Đặc điểm thời tiết khí hậu

TT	Chỉ số về thời tiết khí hậu	ĐVT	Giá trị	Tháng xảy ra	Dự báo BĐKH của Quảng Ngãi năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (*)
1	<i>Nhiệt độ trung bình</i>	<i>Độ C</i>	25.9		<i>Tăng 1,9°C</i>
2	<i>Nhiệt độ cao nhất</i>	<i>Độ C</i>	38		<i>Tăng thêm khoảng 1,6-2,4°C</i>
3	<i>Nhiệt độ thấp nhất</i>	<i>Độ C</i>	22		<i>Tăng thêm/Giảm khoảng 1,6-1,8°C</i>

4	Lượng mưa Trung bình	mm	2.272	9-11	Tăng thêm khoảng 25.1 mm
---	----------------------	----	-------	------	--------------------------

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của Quảng Ngãi năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	
2	Xu hướng bão			X	
3	Xu hướng lũ			X	
4	Số ngày rét đậm		X		
5	Mức nước biển tại các trạm hải văn			X	Tăng 25cm
	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	Vd: 0,86% diện tích - 514.080ha
	Một số nguy cơ thiên tai khí hậu khác xảy ra tại địa phương (giông, lốc, sụt lún đất, động đất, sóng thần)				

(*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật

5. Hiện trạng Dân số

TT	Thôn	Số hộ			Số khẩu		
		Tổng	Nghèo	Cận nghèo	Tổng	Nam	Nữ
1	Năng Xã	709	27	57	2500	1375	1125
2	Năng Đông	566	31	67	1545	850	695
3	Đông Mỹ	691	25	34	2134	1174	960
4	Đông Viên	591	22	49	1749	962	787
5	Hải Môn	616	23	48	1781	980	801

6	Thế Bình	633	31	51	2090	1150	940
Tổng		3.806	159	306	11.799	6491	5308

6. Hiện trạng sử dụng đất đai¹

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	1.047.75
1	Nhóm đất Nông nghiệp	698.89
1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	686.55
1.1.1	Đất lúa nước	412.37
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)	257.75
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	16,43
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	
1.2	Diện tích Đất lâm nghiệp	
1.2.1	Đất rừng sản xuất	0
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	
1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	6.0
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	6.0
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	
1.4	Đất làm muối	
1.5	Diện tích Đất nông nghiệp khác (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ương tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)	6.34
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	336.01
3	Diện tích Đất chưa sử dụng	12.85
	Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng - Đất nông nghiệp	75

¹ Phân loại theo luật đất đai 2013

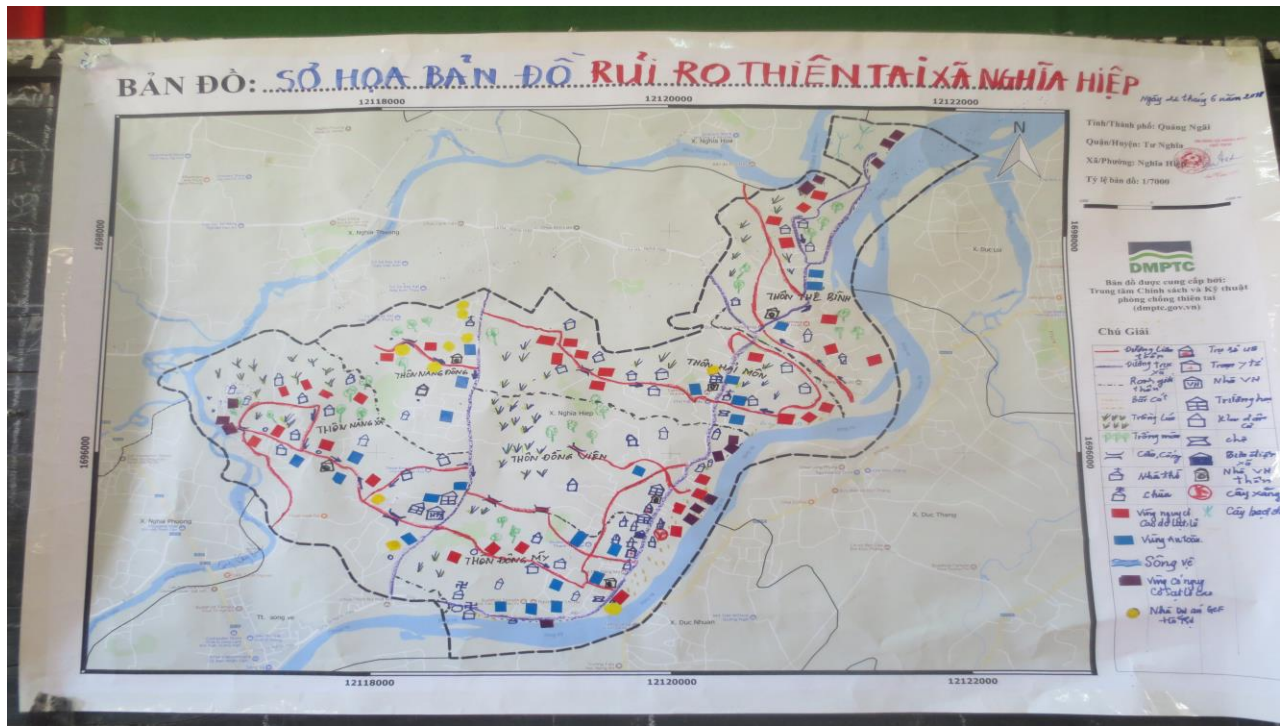
- Đất ở	
---------	--

7.Đặc điểm và cơ cấu kinh tế

TT	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ	Tỉ lệ % phụ nữ tham gia
1	Trồng trọt (Trồng lúa, hoa màu, trồng hoa tươi)	50	3.615	20tr/năm	50
2	Chăn nuôi	10	3.044	12tr/năm	50
3	Nuôi trồng thủy sản	0.2	6	0,03(ha)	0
4	Đánh bắt hải sản	0	0	(tấn)	
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp):Mộc, xây,may mặc, làm bánh..	10.7	1.200	36(triệu VND/năm)	30
6	Buôn bán	10	1.500	18(triệu VND/năm)	95
7	Du lịch	0	0	(triệu VND/năm)	
8	Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, dịch vụ vận tải.v.v	20	1.000	72(triệu VND/năm)	50

B. ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ VÀ ĐIỀU KIỆN DỄ TỒN THƯƠNG VỚI THIÊN TAI/BĐKH

1.Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH



2. Tóm tắt kết quả bản đồ Vùng nguy cơ thiên tai/BĐKH dựa trên bản đồ sơ hạ

STT	Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến (Bão, Lũ, Hạn, Nước Biển dâng, v.v.)	Thôn có nguy cơ xảy ra thiên tai	Mức độ đã xảy ra (Cao, Thấp, Trung bình – dựa vào so sánh giữa các thôn)	Xu hướng thiên tai (tăng lên, giữ nguyên, giảm đi)
1	Lũ, lụt	Thôn: Thế Bình, Năng Xã, Đông Mỹ, Đồng Viên, Hải Môn, Năng Đông	-Cao (thôn Thế Bình, thôn Năng Xã, Hải Môn); -Trung bình (thôn Đông Mỹ, thôn Đồng Viên, thôn Năng Đông);	Tăng lên
2	Sạt lở bờ sông	Các thôn: : Thế Bình Hải Môn, Đồng Viên, Đông Mỹ, Năng xã	Cao: Sạt lở khu dân cư, và diện tích trồng trọt	Tăng lên Không có lũ, lụt vẫn xảy ra sạt lở (Mùa xuân)
3	Bão	Toàn xã	Trung bình (bão thường đi kèm theo lũ, lụt)	Trung bình
4	Hạn Hán	Thôn Thế Bình, thôn Hải Môn, Năng Đông, Năng Xã, Đông Mỹ	Thấp	Nắng nóng kéo dài, nhiệt độ tăng cao, hạn hán xảy ra nhưng khắc phục được

3. Lịch sử thiên tai/BĐKH

Tháng/năm xảy ra	Loại thiên tai/BĐKH	Số thôn bị ảnh hưởng	Thiệt hại chính	Số lượng
11/2009	Lũ, lụt	3.860 hộ 6/6 thôn	1.Số nhà bị thiệt hại:	02nhà
			3.Số km đường bị thiệt hại:	32,2km
			4.Số ha rau màu bị thiệt hại	19,86ha
			5.Số ha ruộng bị thiệt hại:	780m ³
			6.Hoa bị thiệt hại	400 chậu
			7.Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại:	1,5ha
			7. Kênh mương bị thiệt hại, sạt lở bờ sông	9,1km
			8.Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại:	0
			9.Các thiệt hại khác:,	1 con bò bị chết, 67 con heo , 704 con gia cầm
13. Ước tính thiệt hại kinh tế:	5 tỷ đồng			
11/2013	Bão, Lũ, lụt	3.830 hộ 6/6 thôn	1.Người bị thương	01 (nam)
			2.Nhà bị hư hỏng	16
			3.Đường giao thông bị hư hỏng	3,9km (liên xã) 33,5km (liên thôn) 37 cống
			4.Sạt lở bờ sông	3,1km
			Ước tính thiệt hại: 4,8 tỷ đồng	
11/2017	Lũ, lụt	3.806 hộ 6/6 thôn	1.Người bị thương	0
			2.Nhà bị hư hỏng	2
			3.Đường giao thông bị hư hỏng	32208m
			4.Cầu (thôn Hải Môn) bị hư hỏng	01
			5.Cống	04
			4.Sạt lở bờ sông	0,9km

			5.Hoa màu, diện tích nuôi hải sản	22,5ha
			4.Chậu Hoa	40.000 chậu
			Ước tính thiệt hại:	7,5 tỷ đồng

4.Nhóm dễ bị tổn thương

TT	Thôn	Đối tượng dễ bị tổn thương												
		Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-16 tuổi		Phụ nữ có thai*	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa		Người bị bệnh hiểm nghèo	
		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng
1	Năng Xã	87	159	204	371	40	149	272	34	74			2	4
2	Năng Đông	60	110	143	260	20	112	205	29	53			1	2
3	Đông Mỹ	86	156	200	364	25	88	161	35	64			2	5
4	Đông Viên	63	114	146	266	32	129	135	29	53			2	4
5	Hải Môn	66	120	154	280	38	71	130	31	57			1	3
6	Thế Bình	76	138	177	322	35	88	160	18	35			2	4
	Tổng	438	797	1024	1863	190	637	1063	176	336			10	22

5.Đánh giá hạ tầng và dịch vụ công cộng

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Chất lượng chống chịu với thiên tai khí hậu (Cao, Trung Bình, Thấp)	Năm xây dựng	Nguy cơ xảy ra thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Trường mầm non: 03 điểm trường -Năng Xã, Đông Viên Hải Môn	Phòng	20	Cao: 8 phòng; TB: 12	2010-2016	Trung bình
2	Trường học tiểu	Phòng	25	Trung bình : 10, TB: 15	Trước năm 2000, năm 2013	Trung bình
3	Trường THCS (3 dãy phòng 2 tầng)	Phòng	20	Trung bình: 10, TB: 10	Trước 2000 XD 2 dãy, năm 2013-2014 XD 1 dãy	Trung bình
4	Trạm y tế/ Phòng khám	Phòng	08	Cao: 3, TB: 2	2009-2012	Trung bình
5	Đường điện	Km	20	Trung bình	2000	Trung bình
6	Đường giao thông	Km	48,8	Thấp		Cao

7	Trụ sở UBND	Phòng	18	Trung bình	2002	Trung bình
8	Nhà văn hóa xã/thôn - Nhà văn hóa xã -Thôn 6/6 thôn	Nhà	01 06	Cao Thấp	2018 Tận dụng nhà cũ	Cao:
9	Chợ (đã quy hoạch nhưng chưa xây dựng)	Cái				

Nhận xét: Hiện trạng chung về hạ tầng và dịch vụ công cộng: Các trường học, UBND xã làm nơi tránh trú khi thiên tai, tuy nhiên nhà vệ sinh, nước sạch thiếu chưa đảm bảo sinh hoạt khi người dân sơ tán đến; Hệ thống đường giao thông có 48,8km, đã được rải nhựa, bê tông 16km đạt 32%, hiện nay còn 4,3km đường liên thôn chưa được bê tông, ngõ xóm: 23,7km, đường liên xã 4,8km. Đường nội đồng: 11,4/32km đã được bê tông, hiện còn 20,8 km chia cắt mỗi khi có lũ, lụt; Hệ thống điện chiếu sáng từ công tơ vào hộ gia đình còn tạm bợ; 02 nhà văn hóa thôn xuống cấp, tạm bợ.

6.Đánh giá hiện trạng nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố (mái, cột, móng, tường không kiên cố)	Nhà thiếu kiên cố	Nhà tạm bợ	Nhà ở các khu vực cần di dời (sạt lở, lũ quét,v.v)
1	Năng Xã	709	240	440	20	7	72 (15 sạt lở)
2	Năng Đông	566	230	320	14	8	67 (Báo động IV mới phải di dời)
3	Đông Mỹ	691	270	400	25	0	74 (25 sạt lở)
4	Đông Viên	591	280	320	6	0	69 (8 sạt lở)
5	Hải Môn	616	330	270	20	3	43 (Sạt lở 18)
6	Thế Bình	633	242	390	8	0	41 (Sạt lở 27)
Tổng		3.806	1.592	2140	93	18	366

Nhận xét: Nhà ở thiếu kiên cố, bán kiên cố, tạm bợ còn nhiều, nằm trong vùng trũng có nguy cơ cao về lũ, lụt, sạt lở, đe dọa đến tính mạng và tài sản của người dân.

Dự án GCF đã hỗ trợ 10 nhà hiện nay đang xây dựng: Năng Đông 6, Hải Môn 01, Đông Mỹ 01 nhà, Năng Xã 2.

7.Số lượng nhà trong vùng có nguy cơ thiên tai và BDKH²

² Phục vụ dự án GCF

TT	Loại nhà	Số nhà thuộc vùng rủi ro cao với thiên tai, BDKH (*)	Số nhà thuộc vùng rủi ro trung bình với thiên tai, BDKH (*)	Số phụ nữ, trẻ em, người già, người tàn tật sống trong từng loại nhà
1	<i>Nhà tạm bợ</i>	12	6	TE:5 , NCT:15
2	<i>Nhà thiếu kiên cố</i>	60	23	Trẻ em:17, Ng cao tuổi:41; Khuyết tật:11, Bệnh hiểm nghèo:0
3	<i>Nhà bán kiên cố</i>	856	1284	Trẻ em:1506, Ng cao tuổi:596; Khuyết tật:188, Bệnh hiểm nghèo:10, Phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ: 93
4	<i>Nhà kiên cố</i>	636	956	Trẻ em:1.133, Ng cao tuổi:408; Khuyết tật:137, Bệnh hiểm nghèo:12, Phụ nữ mang thai và nuôi con nhỏ: 97
	Tổng số	1.564	2.269	

8.Điều kiện Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Tên thôn	Số hộ	Nguồn nước sạch					Nhà vệ sinh			
		Giếng	Bể chứa	Trạm cấp nước công cộng/nước máy/Tự chảy	Không có dụng cụ chứa	Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai/BDKH (Cao, Trung bình, Thấp)	Tự hoại	Tạm	Không có	Nguy cơ rủi ro thiệt hại khi có thiên tai/BDKH (Cao, Trung bình, Thấp)
Năng Xã	709	707	672	0	0	Cao	697	10	0	Cao
Năng Đông	566	572	543	0	0	Cao	564	8	0	Cao
Đông Mỹ	691	695	660	0	0	Cao	693	2	0	Cao
Đông Viên	591	606	575	0	0	Cao	604	2	0	Cao
Hải Môn	616	623	592	0	0	Cao	616	7	0	Cao
Thế Bình	633	640	608	0	0	Cao	628	12	0	Cao
Tổng	3806	3.843	3.650	0	0		3.802	41	0	

9. Y tế - Hiện trạng dịch bệnh liên quan đến thiên tai, BDKH

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
1	Sốt rét	0	0	0	0	0
2	Bốt rết huyết	1	3	5	1	0
3	Viêm đường hô hấp	29	18	19	11	2
4	Tay chân miệng	4	0	0	0	0
5	Số ca bệnh phụ khoa (thường do đk nước sạch và vệ sinh không đảm bảo)		Năm 2017=78 2018=95			

10.Y tế dự phòng- khả năng phòng ngừa dịch bệnh trong điều kiện thiên tai, BĐKH

TT	Tên Thôn	Khả năng và kiến thức phòng ngừa dịch bệnh (Cao, Trung bình, Thấp)	Mức độ xảy ra dịch bệnh (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Thôn Năng Đông	Trung bình	Trung bình
2	Thôn Năng Xã	Cao	Trung bình
3	Thôn Thế Bình	Trung Bình	Cao
4	Thôn Hải Môn	Trung Bình	Cao
5	Thôn Đông Mỹ	Cao	Trung bình
6	Thôn Đồng Viên	Cao	Trung Bình

11.Hiện trạng rừng và mức độ rủi ro với thiên tai và BĐKH³

Loại rừng	Tổng diện tích (ha)	Diện tích rừng thuộc vùng rủi ro cao với thiên tai, BĐKH (*)	Diện tích rừng thuộc vùng rủi ro trung bình với thiên tai, BĐKH (*)
1	2	3	4
Rừng ngập mặn	0		
Rừng trên cát	0		
Rừng tự nhiên	0		
Rừng khác (Trồng ven khu	2ha		

³ Phục vụ cụ thể cho dự án GCF

<i>dân cư)</i>			
<i>Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng</i>	0		
<i>Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng</i>	0		
Tổng			

(*) Là vùng khi có thiên tai (lũ, bão, hạn, cháy rừng do khô hạn, v.v.) rừng dễ bị thiệt hại, gãy đổ. Tham khảo theo kết quả bản đồ nguy cơ thiên tai, khí hậu

12. Hiện trạng sinh kế xung quanh rừng⁴

Loại rừng	Liệt kê tên các loại cây được trồng bản địa hoặc loại cây do cộng đồng đề xuất mới (nếu cần thiết)	Liệt kê 3 mô hình sinh kế trong rừng ngập mặn do cộng đồng đề xuất triển khai tại xã (ưu tiên các mô hình đã thí điểm thành công)	Số hộ đã hoặc có thể tham gia vào mỗi loại mô hình sinh kế
(1)	(2)	(3)	(4)
<i>Rừng ngập mặn</i>	0		
<i>Rừng trên cát</i>	0		
<i>Rừng tự nhiên</i>	0		
<i>Rừng khác</i>	2 ha trồng ven sông Vê, khu dân cư		
<i>Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng</i>	0		
<i>Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng</i>	0		
Tổng cộng			

13. Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai và BĐKH trong Hoạt động sản xuất kinh doanh

⁴ Phục vụ cho dự án GCF

TT	Loại hình sản xuất	Số hộ tham gia SXKD tại xã	Ước tính năng xuất/Khối lượng SX hàng năm theo bình quân hộ.	Khả năng chống chịu với thiên tai & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Mức độ thiệt hại khi có tác động của thiên tai và khí hậu (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Trồng trọt (ha)	3.615	18 tạ/hộ/năm	Thấp	Cao
2	Chăn nuôi	3.044	300kg/hộ/năm	Thấp	Cao
3	Nuôi trồng thủy sản (ha)	6	1 tấn/hộ/năm	Thấp	Cao
4	Đánh bắt hải sản (tấn)	0	0	0	0
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp (thu nhập bình quân)	1.200	36tr/hộ/năm	Trung bình	Trung bình
6	Buôn bán (thu nhập bình quân)	1.500	18tr/hộ/năm	Trung bình	Trung bình
7	Du lịch	0	0	0	0
8	Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v (thu nhập bình quân)	1.000	72tr/hộ/năm	Cao	Thấp
9	Trồng hoa	400	30tr/hộ/năm	Thấp	Cao

Nhận xét: Trồng hoa cảnh, trồng màu vào đúng thời điểm tháng 8-12 và tháng 1 năm sau đúng vào thời gian lũ, lụt thường hay xảy ra; diện tích hoa màu, trồng hoa nằm trong vùng trũng, thấp nên khả năng chống chịu với thiên tai thấp; Trồng lúa 2 vụ đã thu hoạch ít thiệt hại hơn chủ yếu là thiệt hại giống đã gieo, chập mùa vụ, sâu bệnh. Chăn nuôi: Chuồng trại tạm bợ, vùng trũng, người dân chủ quan, thiếu kiến thức PCTT, Thích ứng BĐKH.

14. Hiện trạng hệ thống thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	98%
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	98%
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	Loa	0

4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ù, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	60%
5	Số trạm khí tượng, thủy văn		0
6	Số thôn được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu)	Thôn/Tổng số thôn	6/6

Nhận xét: Thông tin cảnh báo thiên tai, thông tin xả lũ đã thông báo đến các trường thôn; 60% hộ dân được nghe thông tin trên hệ thống loa truyền thanh của xã, còn lại 40% hộ dân chưa được tiếp cận thông tin; Hình thức thông tin qua hệ thống loa truyền thanh của xã; các đối tượng dễ bị tổn thương được tiếp cận các thông tin về cảnh báo thiên tai qua gia đình, người thân là chủ yếu; khi thiên tai xảy ra có các lực lượng xung kích của xã đến hỗ trợ. Hiện nay địa phương thường chuyển tải các thông tin đến người dân bằng hệ thống loa, thông qua các hội nghị để triển khai, trong trường hợp khẩn cấp phải sử dụng lực lượng chạy bộ. Tuy nhiên hình thức này rất khó khăn vì khi lũ lụt hầu như các tuyến đường bị chia cắt đi lại rất nguy hiểm; Các đối tượng DBTT thường nắm bắt thông tin qua các thành viên trong gia đình và lực lượng cứu hộ cứu nạn, đội xung kích đến hỗ trợ.

15. Hiện trạng năng lực phòng chống thiên tai/thích ứng BĐKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	0
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	0
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua	Lần	0
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	36
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì	Người	10 nữ. (Trong đó: 01 CB truyền thanh; 01 trực VP-UV; 03 cán bộ tài chính, 01 địa chính thủy lợi, 01 BT đoàn xã, 03 GV trường học)
	- Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCĐ hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu	Người	02 người (trong đó: 1 CT UBND xã, 1 CHP QS xã) không có nữ
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã	Người	55 người đã được tập huấn sơ cấp cứu, cứu hộ, cứu nạn (Tháng 4/2018); Có 3 nữ tham gia; 01 lớp do quân sự tỉnh, 01 lớp CTĐ tỉnh
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì:	Người	03 nữ (y tá)

6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TU'BDKH dựa vào cộng đồng	Người	02
	- Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì:	Người	01, CB văn hóa (Đại học CTXH-Trường LĐXH) – Phụ trách
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:		
	- Ghe, thuyền:	Chiếc	Xã 03, thôn 01 xuống máy, 29 ghe hộ dân huy động được khi có thiên tai
	- Áo phao	Chiếc	100 (xã 50, thôn 50)
	- Loa	Chiếc	10 (xã 04, thôn 06)
	- Phao tròn	Chiếc	80 (xã 30. thôn 48)
	- Đèn pin	Chiếc	0
3	- Máy phát điện dự phòng	Chiếc	0
	- Lều bạt	Chiếc	0
	- Xe vận tải	Chiếc	Sử dụng tại các hộ gia đình các thôn: cả xã có 8 xe
8	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng		
	- Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị	CloraminB:700 viên; bột 15kg,Aquatar 400viên;
9	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị	01
10	Khác....		

C.KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI/BĐKH THEO LĨNH VỰC/NGÀNH

1. Kết quả đánh giá Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Liệt kê các thôn bị ảnh hưởng	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT (Số công trình có nguy cơ bị ảnh hưởng do thiên tai/BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TU'BDKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

Lũ, lụt	6/6 thôn Thế Bình Hải Môn Đông Viên Năng xã Đông Mỹ Năng Đông	Tầng	*Trụ sở UBND nhà vệ sinh không đảm bảo, hư hỏng; không có nước sạch để sinh hoạt; -2/6 thôn không có nhà VH : Thôn Hải Môn, Thế Bình các thôn này không có nơi trực khi thiên tai; 4/6 nhà VH thôn: Đông Mỹ, Năng Đông, Năng xã, Đông viên đang thi công * Giao thông -Đường liên xã chưa được kiên cố hóa: 4,8 km; -Đường liên thôn chưa được bê tông: 4,3km ; -Ngõ xóm: 23,7km. -Đường nội đồng: 20,8 km - Có 3 cầu đã xuống cấp: 02 cầu (thôn Đông Viên); 01 cầu thôn Năng Xã; -3km bờ sông Vệ chưa được kiên cố *Hệ thống cột điện từ đồng hồ về nhà dân còn tạm bợ; - Khi có thiên tai, hệ thống điện lưới thường bị cắt sớm, ảnh hưởng đến công tác phòng chống thiên tai	Thấp	Cao
Sạt lở bờ sông	4/6 thôn Thế Bình Đông Viên,	Tầng	3km bờ sông vệ chưa được kiên cố	Thấp:	Cao

Nhận xét:

Cột 4: Về hạ tầng cơ sở còn nhiều khó khăn: Trụ sở UBND xã tuy 2 tầng nhưng hiện nay đã xuống cấp, công trình phụ xuống cấp, hư hỏng và đặc biệt là không có nước sạch để sử dụng (UBND xã phải sử dụng nước bình); Hệ thống nước sinh hoạt khu dân cư nhiễm phèn 100% ở mức độ rất cao; Trường mầm non có 03 điểm trường tuy nhiên 02 điểm trường chưa có tường rào, hệ thống công trình phụ 01 điểm trường chưa có, trong thiết kế xây dựng chưa tính đến việc sử dụng thuận lợi cho người khuyết tật; 03 thôn Năng Đông, Năng Xã, Hải Môn điểm sinh hoạt thôn xuống cấp chưa có nơi trực PCTT, nhà tránh trú thiên tai cho nhân dân trong thôn; Nhà văn hóa xã tuy mới xây dựng nhưng nhà bán kiên cố không phải nhà 2 tầng; Về nước sạch, công trình vệ sinh không đảm bảo sinh hoạt đa số công trình không đảm bảo sinh hoạt khi sơ tán người dân đến (không tính đến việc sử dụng thuận lợi cho người khuyết tật);

Hệ thống giao thông càng khó khăn hơn:Tuyến giao thông trục xã cần được bê tông hóa: 4.849m; Đường trục thôn và đường liên thôn cần được bê tông 4.341m/6.720m; Đường ngõ, xóm cần được bê tông 23.734m. Các tuyến đường thôn bị lầy lội, hư hỏng mặt đường sau lũ gây khó khăn trong việc đi lại, sinh hoạt của nhân dân và các em học sinh; Tuyến Sông Vệ - Nghĩa Hiệp - Nghĩa Thương mặt đường bị hư hỏng tại nhiều điểm do xe trọng tải lớn thường xuyên qua lại gây khó khăn; Cầu Bà Siêng thôn Năng xã đã bị hư hỏng, xuống cấp, nguy hiểm cho người dân khi tham gia giao thông nhất là khi có lũ. Điểm bờ

tràn (công số 9) trên tuyến Năng Xã - Năng Đông nước chảy xiết, nước ngập sâu khi có lũ. Nhiều điểm bị ngập sâu, nước chảy xiết chưa có biển cảnh báo nguy hiểm để hướng dẫn người dân đi lại.

Hệ thống điện : Cột điện từ cột chính vào các hộ gia đình đều tạm bợ, dễ bị ngã, đồ chưa được đầu tư xây dựng rủi ro thiên tai rất cao.

Cột 5: -Trụ sở UBND xã: 02 tầng; có 18 phòng làm việc làm nơi tránh trú cho 300 người dân thôn Đông Mỹ; Nhà văn hóa xã mới được xây dựng năm 2017-2018 làm nơi tránh trú 250 người thôn Đông Mỹ; Trường mầm non 3 khu tại 3 thôn Năng Xã-Năng Đông, Đông Mỹ-Đông Viên, Hải Môn-Thế Bình. nhà 2 tầng kiên cố làm nơi trú ẩn an toàn cho 120 người dân (hiện nay chưa XD nhà vệ sinh).Trường tiểu học 3, được xây dựng kiên cố : 25 phòng có khả năng làm nơi trú ẩn an toàn cho khoảng trên 350 người);Trường THCS 01, được xây dựng kiên cố 3 dãy 20 phòng có khả năng làm nơi trú ẩn an toàn cho khoảng trên 650 người).

-Đường giao thông: Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện 8.639m đã bê tông xi măng được 3.790km (đạt 43,87%). Đường trục thôn và đường liên thôn tổng chiều dài 6.720m đã bê tông xi măng được khoảng 879m (đạt tỷ lệ 13,08%). Đường ngõ, xóm tổng chiều dài 35.454m, đã bê tông hóa được 1.672m, đạt 4,71%. Đường nội đồng: 11,4/32km đã được bê tông, 2/5 km sông vệ được kè kiên cố, 01 cầu kiên cố (Thôn Năng xã). Sông Vệ không có cột báo lũ.

Cột 6: Nhà văn hóa thôn Hải Môn, Thế Bình có nguy cơ bị sập đổ khi có thiên tai.Đường giao thông bị hư hỏng, chia cắt khi thiên tai xảy ra; Người có nguy cơ bị thương, bị chết khi thiên tai xảy ra; 3km bờ sông vệ bị sạt lở khi thiên tai xảy ra

2. Kết quả đánh giá về nhà ở

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT/Nguy cơ bị thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Số lượng nhà có nguy cơ bị ảnh hưởng)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH H (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Lũ, lụt, bão, giông lốc	6/6 thôn	Gia tăng	Nhà ở :Nhà bán kiên cố 2.140 -Nhà thiếu kiên cố:93 -Nhà đơn sơ : 18 -Số hộ bị ngập sâu cần phải di dời sơ tán (cấp độ III) : Thế Bình 14 hộ với 144 nhân khẩu; Hải Môn: 25 hộ với 306 nhân khẩu; Đông Viên 61 hộ với 361 nhân khẩu; Đông Mỹ 49 hộ với 274 nhân khẩu; Năng xã 67 hộ với 269 nhân khẩu; Cấp độ IV thêm thôn :Năng Đông 67 hộ với 344 nhân khẩu Số hộ có nguy cơ sạt lở cao: Hải Môn 60, Thế Bình: 140, Đông Năng: 16, Đông Viên : 71 -40% nhà không có gác lửng -Thiếu kiến thức xây nhà an toàn;	Thấp	Cao
Sạt lở bờ sông Vệ	5/6	Tăng	Với 3 km bờ sông vệ chưa được kè Số hộ cần phải di dời do sạt lở bờ sông: Thế Bình 25 hộ với 144 nhân khẩu; Hải Môn: 25	Thấp	Cao

			<p>hộ với 306 khẩu; Đồng Viên 61 hộ với 361 khẩu, Đông Mỹ 49 hộ với 474 khẩu, Năng xã 15 hộ với 35 khẩu</p> <p>-Các hộ còn chủ quan chưa chấp hành lệnh di dời của địa phương ; thói quen của các hộ thích sống gần ven sông</p> <p>-Địa phương chưa có biện pháp quyết liệt đối với những hộ chưa di dời;</p> <p>-Chưa có biển cảnh báo nguy cơ cao.</p>		
--	--	--	---	--	--

Nhận xét:

Cột 4: Là vùng trũng số nhà bán kiên cố nhiều, thường xuyên ngập úng, thời gian ngập úng 3-4 ngày nên nhà ở có nguy cơ bị hư hỏng, sập, đổ. Một số hộ dân ở vùng nguy cơ cao do sạt lở bờ sông xã đã có quy hoạch di dời các hộ đến nơi ở an toàn nhưng đã nhiều năm nay một số hộ vẫn chưa di dời ;

Cột 5: Nhà kiên cố:1592; Nhà có gác lửng: 30%. Tỷ lệ người dân biết cách tiếp cận với công nghệ thông tin (40%).30% người dân có kinh nghiệm chằng chống nhà cửa và có ý thức chằng chống, gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai ;

- Sạt lở bờ sông Vệ : Địa phương đã quy hoạch cho các hộ đến nơi ở an toàn;Hiện nay mới có 6 hộ đã di dời (Thế Bình 4 hộ, Đông Mỹ 2 hộ);

Cột 6: 93 nhà thiếu kiên cố, 18 nhà đơn sơ, 2 nhà văn hóa thôn có nguy cơ bị sập đổ khi thiên tai xảy ra; 3km bờ sông Vệ bị sạt lở nghiêm trọng; Người có nguy cơ bị thương, chết.

3. Kết quả đánh giá về Nước sạch, vệ sinh và môi trường:

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT/Nguy cơ bị ảnh hưởng (Số hộ dân có nguy cơ bị thiếu nước sạch và không đảm bảo vệ sinh khi có thiên tai)	Số hộ có nhà vệ sinh KHÔNG hợp vệ sinh	Kỹ năng, kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)		(5)	(6)
Lũ, lụt, bão, hạn hán	6/6 thôn	Tăng	Chưa có hệ thống nước sạch nông thôn cung cấp cho nhân dân 100% hộ dân dùng giếng khoan và giếng đào; Có 140 giếng đào : Các thôn Năng Xã 20, Năng Đông: 7, Hải Môn: 25, Đông Mỹ: 48, Đông Viên: 40); Hệ thống nước sinh hoạt bị nhiễm phèn nặng (qua khảo sát nước có màu nâu đỏ); Các hộ dân phải mua máy lọc nước gia đình để lọc (2-3tháng) thay cục lọc rất tốn kém. -15% hộ chưa có bể lọc nước, 35% hộ chưa có máy lọc nước; % hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm	41 hộ Năng xã:10 Thế Bình: 12 Năng Đông:8 Hải Môn:7, Đông mỹ: 2, Đông Viên: 2	Thấp	Cao

Nhận xét:

Cột 4: Sau lũ hầu hết các khu vực trong thôn dễ bị ô nhiễm môi trường do xác súc vật chết bị cuốn trôi, vùi lấp, trôi dạt trên các kênh, rạch, bãi,...gây khó khăn trong việc thu gom, xử lý. Việc xử lý

môi trường sau lũ còn chậm (khoảng 4 - 5 ngày sau lũ) và thiếu phương tiện, nhân lực, thuốc xử lý môi trường; Còn một số khu vực chưa có xe thu gom rác tập trung tại các KDC xa trục đường chính, xe tải không thể vào được do đường khó đi.

Cột 5:-Nước sạch: Số hộ có bể chứa nước 85%; số hộ mua máy lọc nước để sử dụng:65%; 30% Các hộ đã tự mua bình lọc nước để sử dụng; Nhà vệ sinh: Hộ có nhà vệ sinh đảm bảo 3802/3843 hộ, năm 2017 địa phương hỗ trợ 50 hộ nghèo làm nhà vệ sinh; Có đội thu gom rác thải 4 ngày/lần.

Cột 6: Nguy cơ bị mắc các dịch bệnh sau thiên tai là rất cao; Chị em phụ nữ có mắc các bệnh phụ khoa; Ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước

4. Kết quả đánh giá về y tế

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Lũ, lụt, bão, hạn hán	6/6 thôn	Gia tăng	-Không có bác sỹ chuyên khoa sản, nhi -Không có phòng khám chuyên khoa -Thuốc khám BHYT cho bệnh nhân còn thiếu -Không có thuốc điều trị phụ khoa -Vườn tạp, bụi rậm nhiều, hệ thống cống rãnh thoát nước khu dân cư chưa có, nước tụ đọng lâu ngày vì vậy nguy cơ mắc các bệnh: Sốt xuất huyết, sốt vi rút, bệnh đường hô hấp rất cao.	Trung bình	Cao

Nhận xét:

Cột 4:Cơ bản đáp ứng được việc sơ cấp cứu, khám chữa bệnh thông thường cho người dân. Tuy nhiên thiếu thuốc khám BHYT, phòng khám phụ khoa chưa đảm bảo, thiếu bác sỹ chuyên khoa sản, nhi; 6 tháng đầu năm 2018 số chị em mắc bệnh phụ khoa 95 tăng cao so với năm 2017; (năm 2017 là 78 bệnh nhân), việc thăm khám và điều trị gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng cuộc sống của chị em.

Cột 5: Nhà 02 tầng với 8 phòng đảm bảo 10 giường bệnh; Nhân viên y tế có 12 người. Trong đó:01 bác sỹ (nam); 01 dược sỹ, 02 nữ hộ sinh, 2 y tá; 06 y tế thôn;

-Trang thiết bị : Máy siêu âm 01, máy điện tim 01, máy điện não 01 phục vụ cho khám chữa bệnh cho người dân;Cơ sở thuốc PCTT:01, 15kg CloraminB và 700 viên để khử khuẩn, viên lọc nước Aquatar 400 viên. Tổ chức các đợt truyền thông SK sinh sản cho chị em mỗi năm 1 lần; Năm 2017 tổ chức tiêu độc khử trùng chuồng trại chăn nuôi 2 lần.

-Tỷ lệ người tham gia BHYT: 85%.

Cột 6: Người dân tốn kém chi phí, nhân công khi phải đi lên tuyến trên để khám và điều trị đặc biệt chị em phụ nữ.

1. Kết quả đánh giá về giáo dục

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT của học sinh và giáo viên, có sự khác biệt nào giữa nam và nữ	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Lũ, lụt, bão, giông lốc	6/6 thôn	Tăng	-Giáo viên và học sinh chưa được tập huấn kiến thức PCTT& BĐKH bằng các chương trình ngoại khóa ; chủ yếu thông qua các môn học qua chương trình sách giáo khoa của Bộ GD&ĐT; Giáo viên và học sinh chưa có kiến thức kỹ năng về sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn; Không có các tài liệu truyền thông cho giáo viên và học sinh về PCTT,BĐKH - Nhiều trẻ em không có cha mẹ ở nhà (đi làm ăn xa) chủ yếu sống với ông bà/ người thân nên có đôi lúc việc quản lý/ bảo vệ các em còn buông lỏng -Trong nhà trường chưa truyền thông về giới, bình đẳng giới và nhạy cảm giới.	Trung bình	Cao

Nhận xét:

Cột 4: Hiện nay các trường giáo viên và học sinh chưa được tập huấn kiến thức PCTT& BĐKH bằng các chương trình ngoại khóa ; chủ yếu thông qua các môn học qua chương trình sách giáo khoa của Bộ GD&ĐT; Giáo viên và học sinh thiếu kiến thức kỹ năng về sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn, kiến thức về giới, nhạy cảm giới, ...; Không có các tài liệu truyền thông cho giáo viên và học sinh về PCTT,BĐKH, giới; các trang thiết bị cứu hộ cứu nạn trong các nhà trường không có;

Cột 5: -Trong các nhà trường đều có hệ thống máy tính, mạng Internet. Khả năng tiếp cận công nghệ thông tin cao; Kỹ năng truyền thông, tổ chức các đợt truyền thông rất tốt; Đa số học sinh luôn nghe lời thầy cô.

Cột 6: Các em có nguy cơ bị thương tích, tính mạng khi thiên tai xảy ra/thời gian nghỉ hè và có nguy cơ cao bị bạo hành do bố mẹ đi làm ăn xa.

5. Kết quả đánh giá về rừng:

Địa phương không có rừng, chủ yếu trồng xen khu dân cư

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn.../ Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Diện tích có nguy cơ thiệt hại - ha)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

6. Kết quả đánh giá về trồng trọt

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn.../ Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Diện tích có nguy cơ thiệt hại - ha)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Lũ, lụt, bão, giông lốc, hạn hán	6/6 thôn	Tăng	<ul style="list-style-type: none"> - Có 75 ha diện tích đất trồng lúa ở vùng trũng thấp, dễ bị ngập úng, sa bồi thủy hóa khi có thiên tai xảy ra. - Diện tích đất nông nghiệp chưa được tưới chủ động: 103 ha. - Diện tích trồng Ngô: 149 ha; Cây ốt: 80 ha; Cây rau các loại: 230ha. Trong đó, nhiều diện tích trồng ốt không nằm trong quy hoạch/ kế hoạch của xã. Với hơn 400 hộ trồng hoa Tết (diện tích bình quân 700m²/hộ/năm) chủ yếu khu vực trồng ở nơi thấp, chưa có nơi cao để bảo quản, bảo vệ, khi có lũ - Tổng chiều dài kênh mương chưa được kiên cố hoá: 23,5 km - Máy làm đất còn thiếu, nhà kho chưa đáp ứng được nhu cầu. - Máy sấy còn thiếu, máy phát điện chưa có. - 10% hộ gia đình chưa có máy bơm nước 	Trung bình	Cao

Nhận xét;

Cột 4: Lũ, lụt hàng năm đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc trồng lúa, hoa màu và hoa cảnh của bà con. Nhưng thiệt hại nhất là hoa cảnh, rau màu vì gieo trồng thu hoạch đúng vào mùa thiên tai (tháng 8-12 và tháng 1 năm sau); Máy móc phục vụ cho trồng trọt như máy làm đất, máy thu hoạch còn thiếu nên thường chậm mùa vụ; Diện tích đất trồng trọt bị sa bồi thủy hóa 5ha chủ yếu nằm tại thôn Thế Bình (đọc theo sông vệ và Sông nghĩa Hòa – xã Nghĩa Hòa), sau thiên tai các hộ dân tốn nhiều công sức, kinh phí cho việc khắc phục;

Về lĩnh vực trồng trọt nam nữ có vai trò ngang nhau, những công việc nặng thường nam giới

tham gia nhiều hơn (phun thuốc, thu hoạch), tiếp cận khoa học kỹ thuật về trồng hoa cây cảnh nữ tham gia ít hơn, sự phân công công việc trong gia đình đã tính đến các yếu tố nhạy cảm giới (ý kiến của anh Hồ Duy Linh –Thôn Hải Môn); Trên địa bàn xã có 01 mô hình địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh cho các nạn nhân bị bạo lực giới và bạo lực gia đình tại cộng đồng đạt chuẩn: nhà bà Trần Thị Nguyệt, KDC số 6 thôn Đông Mỹ. Mỗi tháng có ít nhất 02 chuyên mục tuyên truyền về bình đẳng giới trên hệ thống truyền thanh của xã. Chi hội phụ nữ sinh hoạt mỗi quý/1 lần (chưa có nội dung về PCTT, BDKH);

Cột 5: Tập huấn kỹ thuật trồng lúa, rau màu, hoa: 8 lớp có 400 lượt người tham gia. Trong đó 250 nữ, 150 nam; Hội thảo thuốc bảo vệ thực vật: 8 lần có 400 lượt người tham gia; Hộ nghèo, hộ khuyết tật được vay vốn phát triển SX; Năm 2017 Hỗ trợ: 2 tấn lúa giống, 2 tạ hạt giống rau cho các hộ; Công ty giống cây trồng Miền Trung, Quảng Ngãi) đảm bảo cung ứng giống cho địa phương và các tỉnh lân cận.

HTX Tây Hiệp (Đông Mỹ, Năng Đông, năng Xã): Máy gặt đập liên hợp: 7, Máy làm đất: 14, Máy sấy lúa: 1, Trạm bơm: 2 (ôn định, công suất 3.3), Nhà kho: 1, Sân phơi: 2;

HTX Đông Hiệp (Đồng Viên, Hải Môn, Thế Bình): Máy gặt đập liên hợp: 9, Máy làm đất: 20, Sân phơi: 1, Máy bơm nước gia đình: 90%, Máy múc, đào: 4

Xã có 01 lãnh đạo nữ (PCT-HĐND); 01 Bí thư Đoàn thanh niên.

Cột 6: Mát mùa, giảm năng suất lúa, hoa màu, hoa cảnh; Mát đất sản xuất do sa bồi thủy hóa; Hệ thống kênh mương bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra

7. Kết quả đánh giá về chăn nuôi

Loại hình Thiên tai/BDKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm, nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số lượng gia súc, gia cầm và có nguy cơ thiệt hại)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBDKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BDKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Lũ, lụt, bão, hạn hán	6/6 thôn	Tăng	- Chuồng trại chăn nuôi của người dân đa số còn tạm bợ, thấp nên khi có lũ dễ bị ngập, thiệt hại về gia súc, gia cầm. - Hầu hết người dân chưa biết cách bảo vệ an toàn cho gia súc, gia cầm - Người dân chủ quan không di dời gia súc gia cầm trước khi thiên tai xảy ra; Không chuẩn bị thức ăn gia súc, gia cầm trước khi thiên tai xảy ra; - Chăn nuôi nhỏ lẻ, sản phẩm cung cấp tại chỗ, giá cả không ổn định - Cán bộ khuyến thú y mỏng, trình độ chuyên môn hạn chế.	Trung bình	Cao

Nhận xét:

Cột 4: Với 3.044 hộ chăn nuôi nhưng đều là chăn nuôi nhỏ lẻ, chưa có các trang trại chăn nuôi tập trung nên, kiến thức về chăn nuôi gia súc, gia cầm còn hạn chế số người được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi còn ít, chủ yếu là chăn nuôi theo kinh nghiệm, sản phẩm làm ra cung cấp cho thị trường tại chỗ, giá cả phụ thuộc hoàn toàn vào thị trường tiêu thụ tại địa phương; Đa số chuồng trại tạm bợ, nằm trong vùng trũng, thấp, mỗi khi có cảnh báo về thiên tai mà bà con không chủ động đưa gia súc, gia cầm lên vị trí cao thì nguy cơ bị thiệt hại là rất cao. Trong lĩnh vực chăn nuôi nam và nữ tham gia như nhau, nam giới là

người quyết định chọn giống và quyết định bán, tiền phụ nữ giữ nhưng quyết định chi tiêu là nam giới. (Cán bộ thú y của xã là nữ);

Cột 5: - Tổ chức 2 lớp dạy nghề chăn nuôi thú y 50 người tham gia (20 nữ); Tập huấn kỹ thuật chăn nuôi 02 lớp có 55 người tham gia (nữ 25); Hỗ trợ con giống: 54 con bò giống cho hộ nghèo; Năm 2017 Hỗ trợ làm hầm Biogas: 20 hầm (5trđ/hầm), Đệm lót sinh học; 2 hộ, 100m²; Tổ chức tiêm phòng cho gia súc, gia cầm mỗi năm 02 lần.

Cột 6: Gia súc, gia cầm chết, bị dịch bệnh, Ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước. Dịch bệnh bùng phát.

8. Kết quả đánh giá ngành thủy sản

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm nguyên, Giảm)	TTĐBTT (Số diện tích thủy hải sản có nguy cơ thiệt hại khi xảy ra thiên tai, BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão.lũ, lụt, hạn hán	6	Tăng	-Bờ bao tạm bợ -Nhỏ lẻ 6ha -Thiếu kiến thức, kỹ thuật nuôi trồng thủy sản -100% lao động tham gia nuôi trồng thủy sản là nam giới	Thấp	Cao

Nhận xét:

Cột 4: Diện tích nuôi trồng ít, nằm ở vùng nguy cơ cao lũ, lụt, Bờ bao tạm bợ Thiếu kiến thức, kỹ thuật nuôi trồng thủy sản; 100% lao động tham gia nuôi trồng thủy sản là nam giới;

Cột 5: Có công ty thu mua, cung cấp con giống cho các hộ, chủ yếu nuôi theo kinh nghiệm

Cột 6: Vỡ bờ bao, giảm năng suất chất lượng nuôi trồng thủy sản

9. Kết quả đánh giá lĩnh vực du lịch

Địa phương không có du lịch

Loại hình Thiên tai, BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số thôn/hộ dân làm dịch vụ du lịch có nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai, BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

10. Kết quả đánh giá các ngành buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giảm nguyên, giảm)	TTDBTT (Số hộ dân làm dịch vụ du lịch có nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai, BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Lũ, lụt, bão, giông lốc	6/6 thôn	Giữ nguyên	-Đa số xa gia đình, đi làm ăn xa, công việc gia đình phụ nữ đảm nhiệm -Áp lực kiếm tiền, nuôi sống gia đình, hỗ trợ gia đình sau thiên tai - Gia đình thiếu nhân lực phòng, ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai;	Trung bình	Thấp

Nhận xét:

Cột 4: Buôn bán dịch vụ nhỏ, may mặc chủ yếu là nữ tham gia họ có tay nghề nên thu nhập tương đối ổn định; Đi làm ăn xa chủ yếu là nam giới tuy nhiên có một số gia đình cả 2 vợ chồng đều đi làm ăn xa ở nhà chỉ còn lại người cao tuổi và trẻ em, những gia đình này thường thiếu nhân lực mỗi khi thiên tai xảy ra, cơ sở giết mổ, nghề mộc, thợ xây 100% nam tham gia.

Cột 5: 14 cơ sở giết mổ, 10 máy xay xát, 20 cơ sở sửa xe máy, 1 cơ sở nước đá, 30 tổ thầu xây dựng nhỏ, 200 lao động trong ngành xây dựng, 140 cơ sở công nghiệp – TTCN, 400 lao động trong ngành CN-TTCN, 2000 lao động tại các cụm công nghiệp, kinh tế; Những lao động này đa số có tay nghề, thu nhập ổn định.

Cột 6: Nhà xưởng bị trôi, hư hỏng, Mất thu nhập, thiếu việc làm

2. Kết quả đánh giá lĩnh vực thông tin truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về Thiên tai và biến đổi khí hậu? và cảnh báo sớm

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số hộ dân được tiếp cận các dịch vụ thông tin truyền thông và cảnh báo phù hợp)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Lũ, lụt, bão, hạn hán, giông lốc	6/6 thôn Lũ, lụt từ mức rủi ro cấp độ 2 hầu hết các thôn trong xã bị ảnh hưởng	Gia tăng	-Hệ thống loa hư hỏng, thiếu chưa được sửa chữa - Hệ thống Đài truyền thanh xã được xây dựng, lắp đặt năm 2000, hiện đang bị xuống cấp nghiêm trọng làm ảnh hưởng đến việc tuyên truyền thông tin đến người dân - Thiếu 06 cụm loa cho các 3 khu dân cư Năng Xã, Năng Đông, Hải Môn. 35% hộ dân không nghe được thông tin cảnh báo trên hệ thống truyền thanh của xã; -85% hộ dân không có đài radio. -Tỷ lệ người không biết sử dụng hệ thống mạng chiếm 60%. -Số hộ không có ti vi: 2% -Số hộ không có radio 95%;	Thấp	Cao

Nhận xét:

Cột 4: Hệ thống Đài truyền thanh xã được xây dựng, lắp đặt năm 2000, hiện đang bị xuống cấp nghiêm trọng; Có 6/6 thôn có hệ thống loa phát thanh hoạt động, các trang thiết bị truyền thông hiện có: 01 máy phát thanh STEREO công suất 150W; 04 cụm FM công suất 50W, loa phóng thanh 25W 20 cái; Có hệ thống thu nhận, truyền tải và cung cấp thông tin dự báo, cảnh báo và ứng phó thiên tai, điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai chưa được lắp đặt hệ thống hướng dẫn, cảnh báo.

-100% thành viên BCHPCTT&TKCHCN kiêm nhiệm, chưa được tập huấn, Kinh phí hoạt động còn hạn chế, còn phụ thuộc vào ngân sách được cấp hàng năm; Công tác tuyên truyền, truyền thông nội dung về PCTT chỉ được thực hiện khi có thông báo diễn biến về thiên tai, chỉ đạo của cấp trên; Lực lượng cán bộ xã thường xuyên thay đổi nên một số thành viên BCH còn thiếu kinh nghiệm trong công tác PCTT và TKCN., Sự phối hợp trong công tác PCTT, TKCN chưa được làm thường xuyên, chưa được các tổ chức, đoàn thể đưa vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chính trị;

Hình thức tuyên truyền chưa đa dạng chưa phù hợp với từng nhóm đối tượng nhất là nhóm dễ bị tổn thương: Đối tượng: Người khuyết tật, người già ít tham gia hội nghị, đi tập huấn

Cột 5 Hệ thống loa truyền thanh: 14 cụm với 26 loa, phủ sóng đến 23 KDC trên địa bàn toàn xã. Khoảng 85 % người dân nghe được loa truyền thanh, 6/6 thôn đều có loa cầm tay (mỗi thôn 02 cái); Xã có 24 bộ máy vi tính để bàn (Đảng ủy, UBND xã đều có máy vi tính và có kết nối mạng Internet để phục vụ công tác chuyên môn. Riêng HDND, UBMTTQVN xã không có máy vi tính mà phải nhờ VP.UBND). Về ứng dụng công nghệ thông tin: Có hộp thư điện tử công vụ được UBND tỉnh cấp: Địa chỉ mail: ngiahiep@quangngai.gov.vn, trên địa bàn xã có 01 Bưu điện văn hóa xã tại thôn Đông Mỹ, năm

cạnh UBND xã, hệ thống mạng Internet được phủ khắp sử dụng tốt; 02 cán bộ làm công tác truyền thông tại xã (01 nữ); 6/6 thôn cán bộ truyền thông là trưởng các thôn và cán bộ đoàn thể thôn

Cột 6: Hệ thống truyền thanh bị hư hỏng, gây đổ khi thiên tai xảy ra; Người dân không tiếp cận được các thông tin cảnh báo sớm

11. Kết quả đánh giá lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TU'ĐKH

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số cán bộ chuyên trách/phụ trách và lực lượng 4 tại chỗ có ít nhất 5 năm làm việc trong lĩnh vực PCTT và BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH H (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Lũ, lụt, bão, giông lốc, hạn hán		Tăng		Trung bình	Cao
Lực lượng phòng chống - ứng phó	Xã, 6/6 thôn		-Không có cán bộ chuyên trách; 100% là kiêm; -Lực lượng này chưa được tập huấn (chủ yếu hoạt động theo kinh nghiệm). -10 năm trở lại đây chưa được diễn tập; thiếu kinh nghiệm ứng phó với các tình huống cụ thể		
Trang thiết bị, phương tiện, vật tư.	Xã, 6/6 thôn		-Ban Chỉ huy PCTT&TKCHCN xã, lực lượng PCTT thiếu các phương cứu hộ, cứu nạn; -Các thôn đã có nhưng còn thiếu: Loa cầm tay, áo mưa, ghe, thuyền. -100% hộ dân không có phao/áo phao; -80% hộ dân không biết cần phải chuẩn bị gì để sơ tán trước khi thiên tai xảy ra (Ý kiến phỏng vấn người dân tại các cuộc đánh giá tại thôn);		

Nhận xét:

Cột 4: 10% người dân chưa chấp hành nghiêm túc lệnh di dời, sơ tán từ chính quyền. Nhiều người dân vẫn còn trông chờ, ỷ lại vào chính quyền trong phòng, chống thiên tai; 90% phụ nữ và trẻ em không biết bơi;70% số hộ chưa chủ động chằng chống, gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai; chưa chủ động bảo vệ hoa màu, cây cảnh khi có sự khuyến cáo của địa phương;90%hộ không chuẩn bị lương thực, thực phẩm, nước uống, nhu yếu phẩm cần thiết để di dời; Một số bộ phận người dân còn chủ quan, xem nhẹ diễn biến lũ nên khi lũ diễn biến nhanh dễ gây thiệt hại; Thanh niên có sức khỏe đi làm ăn xa nên khi cần huy động lực lượng gặp nhiều khó khăn;-100% hộ dân chưa được tập huấn, tuyên truyền kiến thức

PCTT&TKCHCN, nước sạch vệ sinh môi trường, sơ cấp cứu...;Hàng năm Ban CHPCTT&TKCHCN xã xây dựng phương án ứng phó với từng loại hình thiên tai cụ thể nhưng chưa xây dựng KHPCTT, BĐKH nên việc lồng ghép giữa nội dung kế hoạch PCTT,BĐKH với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của địa phương cũng chưa được thực hiện; Các thôn, trường học, các đoàn thể chưa có kế hoạch PCTT (thực hiện theo KHPCTT của xã);

Cột 5: Thành viên Ban CHPCTT&TKCHCN có kinh nghiệm 5 năm trở lên: 55 người (03 nữ); Số lực lượng DQTV 92 người có kinh nghiệm 85 người; Thanh niên xung kích 55 người 50 người có kinh nghiệm từ 5 năm trở lên; 215 lực lượng dự bị động viên có kinh nghiệm từ 5 năm trở lên: 125 người.

-Có các phương tiện tại chỗ; hậu cần tại chỗ, vật tư tại chỗ theo phương án đã xây dựng; -25/31 thành viên BCHPCTT&TKCHCN biết sử dụng máy tính, mạng internet; Các Trang thiết bị PCTT tại xã: 50 áo phao, 30 phao tròn, 2 chiếc ghe, 4 loa cầm tay, đài truyền thanh xã;Các thôn; Xuồng máy: 01 (Đồng Viên), Ghe 11 cái (NX:2, NĐ:1, ĐM:5, ĐV:1.HM:1, TB: 1); Áo phao: Áo phao 50 cái (NX: 5, NĐ: 10, ĐM: 5, ĐV: 8, HM:10, TB: 12. + Phao tròn 48 (NX: 7, NĐ: 7, ĐM: 10, ĐV: 2, HM: 10, TB: 12); Ghe của ngư dân có thể huy động hỗ trợ sơ tán dân: 29 cái (NX: 18, HM: 4, TB: 7).

Cột 6: Người có nguy cơ bị thiệt hại khi thiên tai xảy ra

12. Kết quả đánh giá một số lĩnh vực/ngành then chốt khác của địa phương

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số hộ dân/lực lượng lao động/tài sản có nguy cơ bị thiệt hại trong thiên tai và do BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

D.TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ LIÊN NGÀNH & GIẢI PHÁP

1. Tổng hợp kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

Thiên tai	Rủi ro thiên tai	Tình trạng dễ bị tổn thương	Nguyên nhân trực tiếp, gián tiếp	Giải pháp
Bão Lũ, lụt giông lốc	Nhà thiếu kiên cố, tạm bợ, vùng trũng thấp, có nguy cơ bị sập đổ hư hỏng khi thiên tai, BĐKH	-93 nhà thiếu kiên cố 18 nhà đơn sơ; - 02 nhà văn hóa thôn chưa được đầu tư xây dựng -1564 nhà ở nằm trong vùng có nguy cơ cao. -Người dân chủ quan không gia cố, chằng chống nhà cửa trước khi thiên tai xảy ra	-93 hộ có nhà thiếu kiên cố, 18 nhà đơn sơ không có kinh phí xây dựng nhà; - Người dân chủ quan, không gia cố chằng chống trước khi thiên tai xảy ra. -Người dân thiếu kiến thức PCTT, BĐKH; kiến thức xây nhà an toàn - Công tác tuyên truyền về PCTT,BĐKH chưa được làm thường xuyên (chỉ truyền thông khi có thông tin diễn biến về thiên	- Vận động nguồn lực hỗ trợ kinh phí xây nhà ở cho 93 nhà thiếu kiên cố, 18 nhà đơn sơ -Tiếp cận các nguồn vốn vay để làm nhà an toàn thích ứng với BĐKH -Tập huấn cho người dân về kỹ thuật xây nhà chống bão, lũ và cách chằng chống nhà cửa nâng cao năng lực PCTT, thích ứng với BĐKH - Thường xuyên tuyên truyền, tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH, kỹ năng chằng chống nhà cửa, di dời

			<p>tai;,chưa được kịp thời</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các thôn không có cán bộ làm công tác truyền thông -Hệ thống truyền thanh xuống cấp, thiếu các cụm loa; 50% hộ dân không nghe được thông tin từ loa truyền thanh của xã -2/6 nhà văn hóa thôn chưa được đầu tư xây dựng . 	<p>sơ tán</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng nhà đảm bảo theo thiết kế nhà an toàn thích ứng với BĐKH -Vận động nguồn lực xây 2 nhà văn hóa tại các thôn: Thế Bình, thôn
<p>Ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước khi thiên tai, BĐKH xảy ra;</p>	<p>-Nằm ở vùng cuối hạ du rác thải từ đầu nguồn đổ về , nằm ở vùng trũng, thấp cửa sông</p> <p>-Hệ thống thoát nước khu dân cư chưa được quy hoạch đầu tư xây dựng</p> <p>-Ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận người dân chưa tự giác.</p> <p>-Thiếu các thùng rác đặt ở nơi công cộng và khu sản xuất</p>	<p>- Xác súc vật chết và trôi. Thiếu kiến thức xử lý xác súc vật sau thiên tai</p> <p>-Nằm ở vùng trũng, thấp, cửa sông</p> <p>- 30%người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường.</p> <p>-Một số hộ chăn nuôi còn xả thải ra môi trường, chưa có hệ thống xử lý.</p> <p>- Một số hộ dân còn sử dụng thuốc bảo vệ thực vật tràn lan,vứt bừa bãi các chai lọ thuốc BVTV.</p> <p>- Các địa điểm thu gom bao bì, thuốc BVTV chưa có cách xử lý.</p> <p>- Chưa quy hoạch hệ thống công rãnh thoát nước.</p>	<p>- Tuyên truyền nâng cao nhận thức.</p> <p>- Có biện pháp xử lý kịp thời những hộ gia đình xả rác bừa bãi .</p> <p>- Tuyên truyền vận động và hỗ trợ xây dựng hầm Biogas giảm ô nhiễm môi trường;</p> <p>- Tập huấn kiến thức bảo vệ thực vật, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu.</p> <p>- Vận chuyển kịp thời lượng rác thu về nơi quy định.</p> <p>-Xây dựng quy chế bảo vệ môi trường tại các thôn, khu dân cư</p> <p>- Quy hoạch hệ thống công rãnh thoát nước</p> <p>-Xây dựng công bi, đặt các thùng rác nơi công cộng, tuyên truyền, hướng dẫn người dân bỏ rác đúng nơi quy định</p> <p>-Ra quân dọn dẹp vệ sinh môi trường, phát quang bụi rậm, khơi thông công rãnh trước mùa thiên tai.</p> <p>-Quy hoạch nghĩa trang nhân dân xa khu dân cư tránh ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt;</p> <p>-Hướng dẫn, tuyên truyền người dân sử dụng điện an toàn, tiết kiệm, không đốt rác, xả rác bừa bãi, trồng cây xanh có giá trị kinh tế cao bảo vệ môi trường, tăng thu nhập.</p>	
Đường giao	-Đường giao	- Đường liên xã chưa được	-Đầu tư nâng cấp bê tông hóa các	

	<p>thông, đường nội đồng hư hỏng, sạt lở, chia cắt</p>	<p>thông liên thôn, xã, ngõ xóm, đường giao thông nội đồng còn là đường đất. -Là con đường tránh không qua trạm thu phí của xe tải, vùng trũng, thấp nước ngập lâu ngày. -Hệ thống cống thoát nước 2 bên đường chưa được đầu tư xây dựng</p>	<p>kiên cố hóa: 4,8 km; Đường liên thôn chưa được bê tông: 4,3km ;Ngõ xóm: 23,7km. Đường nội đồng: 20,8 km chưa được đầu tư kinh phí -Khả năng vận động nguồn lực còn thấp, các hộ dân chưa tích cực tham gia đóng góp kinh phí (Nhà nước và nhân dân cùng làm) - Nằm vùng trũng, thấp, nền đường yếu xuống cấp -Xe chở quá tải chạy tránh trạm thu phí đi vào với lưu lượng nhiều; -Hệ thống cống thoát nước chưa được quy hoạch đầu tư xây dựng;</p>	<p>tuyến đường liên xã, hệ thống đường giao thông nội đồng; -Xây dựng hệ thống cống thoát nước 2 bên đường giao thông. - Tiếp cận các nguồn vốn từ Nhà nước và huy động xã hội hóa xây dựng đường giao thông liên thôn; -Xây dựng các biển báo cấm xe chở qua tải. -Đầu tư các công trình tiêu thoát nước. -Cấm biển cảnh báo ở vùng có nguy cơ cao : Tại các cầu ở các thôn: Năng Xã, Thế Bình; các điểm có nguy cơ sạt lở cao</p>
<p>Người có nguy cơ bị chết hoặc bị thương khi thiên tai xảy ra</p>	<p>-Hệ thống loa truyền thanh hư hỏng, xuống cấp; Thiếu 6 cụm loa tại 3 thôn Năng Đông, Năng xã, Hải Môn. -Người dân chủ quan, thiếu kiến thức PCTT, BDKH -2/6 thôn không có nhà tránh trú khi thiên tai xảy ra (Thôn Thế Bình, Thôn Hải Môn. -Công tác tuyên thông kiến thức PCTT, BDKH chưa được làm thường xuyên.</p>	<p>-Hệ thống truyền thanh xuống cấp, thiếu các cụm loa - 30% hộ dân ở xa trung tâm chưa tiếp cận thông tin từ hệ thống loa truyền thanh của xã; - Đa số người dân thiếu kiến thức PCTT,BDKH, Đa số người dân chưa biết bơi (70%) - Người dân còn chủ quan, chưa chủ động phòng tránh thiên tai, một bộ phận còn trông chờ vào nhà nước; - Tuyên truyền kiến thức PCTT, BDKH chưa được quan tâm đúng mức; - Cán bộ làm công tác PCTT chưa được tập huấn kiến thức kỹ năng sơ cấp cứu thường xuyên - Các hộ dân ở vùng có nguy cơ cao chưa được tập</p>	<p>-Sơ tán các hộ dân ở vùng có nguy cơ cao kịp thời;cấm biển cảnh báo,phân công người trực ở nơi có nguy cơ cao khi có thông tin diễn biến thiên tai; phân công người trực khi cần thiết. - Nâng cấp hệ thống loa truyền thông, mua sắm trang thiết bị cứu hộ cứu nạn; -Tổ chức các lớp tập huấn, các buổi truyền thông kiến thức PCTT, BDKH cho người dân, Giáo viên, HS các trường học đặc biệt là nhóm đối tượng DBTT; - Xã hội hóa nguồn kinh phí để xây dựng bể bơi, tập bơi cho các em HS. - Tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn cho cán bộ làm công tác PCTT và người dân ở vùng có nguy cơ cao - Tuyên truyền cho người dân trang bị áo phao và phao cứu sinh tại hộ gia đình. -Xây dựng 02 nhà văn hóa thôn:</p>	

			<p>huấn kiến thức về sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn;</p> <ul style="list-style-type: none"> - 100% hộ dân chưa được tập huấn kiến thức, kỹ năng PCTT, BDKH, chưa được hướng dẫn về cách phòng tránh; -30% người dân còn thờ ơ, không quan tâm đến thời tiết, thiên tai.. -2/6 nhà văn hóa thôn chưa được đầu tư xây dựng để làm nơi tránh trú;Nơi tránh trú thiên tai còn thiếu 	<p>Thế Bình, thôn Hải Môn</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tổ chức diễn tập xã, các thôn, trường học; -Vận động các hộ dân ở vùng có nguy cơ cao mua sắm áo phao,phao bơi, thuyền
<p>Dịch bệnh ở người có nguy cơ xảy ra sau thiên tai, BDKH</p>	<ul style="list-style-type: none"> -Thiếu thuốc dự phòng cho PCTT; -Người dân chủ quan, không chủ động dự trữ nước sinh hoạt trước khi thiên tai xảy ra; -Trạm y tế chưa hướng dẫn, tập huấn cho các hộ dân kiến thức bảo vệ, xử lý nguồn nước, môi trường. -40% hộ dân không có máy lọc nước -Số chị em phụ nữ mắc các bệnh phụ khoa do liên quan đến nguồn nước đầu năm 2018 tăng nhanh(<ul style="list-style-type: none"> - Lực lượng y tế chưa kịp thời hướng dẫn người dân xử lý nguồn nước sau thiên tai; Thiếu các loại thuốc xử lý, viên lọc nước... - Người dân chưa chủ động dự trữ nước uống, nước sinh hoạt trước khi thiên tai xảy ra. -Các hộ gia đình thiếu kiến thức xử lý môi trường sau thiên tai - Xác súc vật chết không được tiêu hủy kịp thời, người dân còn vứt bừa bãi ra môi trường. -Ý thức bảo vệ môi trường người dân còn hạn chế: Vứt rác, bao bì thuốc bảo vệ thực vật bừa bãi ra khu dân cư, khu sản xuất gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước; -Chưa quy hoạch, xây dựng hệ thống thoát nước sinh hoạt; -Lực lượng cán bộ y tế mỏng, thiếu bác sỹ chuyên khoa -100% nguồn nước sinh 	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp và hướng dẫn người dân sử dụng thuốc Cloramin B xử lý môi trường; Hướng dẫn các hộ dân xây dựng bể lọc truyền thống, lọc trước khi đưa sang máy lọc để đảm bảo vệ sinh trước khi sử dụng. -Các hộ dân chủ động phát quang bụi rậm xung quanh nhà, xử lý môi trường bằng vôi bột theo hướng dẫn của nhân viên y tế; - Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về PCTT, BDKH, vệ sinh môi trường, giới, bình đẳng giới và nhạy cảm giới: bằng các hình thức: phát tờ rơi, hệ thống loa, thông qua sinh hoạt KDC, các trường học. -Hướng dẫn, quy định xử lý xác súc vật chết theo đúng quy trình: đào hố, rải vôi, san lấp . -Tăng cường đầu tư trang thiết bị y tế, tăng cường bác sỹ về khám điều trị chuyên khoa cho chị em phụ nữ -Quy hoạch, xây dựng hệ thống cống thoát nước trong khu dân cư; -Hỗ trợ kinh phí làm nhà vệ sinh cho các hộ nghèo. -Hỗ trợ các hộ nghèo làm bể lọc nước -Khuyến cáo người dân xây dựng bể lọc truyền thống 	

			<p>hoạt bị nhiễm phèn</p> <ul style="list-style-type: none"> -Vùng trũng, thấp, hệ thống thoát nước trong khu dân cư không có; -65% hộ không có máy lọc nước, không có bể dự trữ nước sạch để dùng. - 10 hộ có nhà vệ sinh còn nhà vệ sinh tạm 	
Mất mùa, giảm năng suất hoa màu, lúa và hoa cảnh khi thiên tai, BĐKH xảy ra	<ul style="list-style-type: none"> - Có 75 ha diện tích đất trồng lúa ở vùng trũng thấp, dễ bị ngập úng khi có bão, lũ xảy ra. - Diện tích đất nông nghiệp chưa được tưới chủ động: 103 ha. -Tổng chiều dài kênh mương chưa được kiên cố hoá: 23,5 km. 	<ul style="list-style-type: none"> -Người dân thiếu kiến thức về trồng lúa, hoa màu, làm rau màu trái vụ -Chưa chọn giống cây trồng cho phù hợp. - Trồng trọt theo kinh nghiệm truyền thống, chưa áp dụng KHKT; -Cán bộ khuyến nông mỏng, năng lực cán bộ khuyến nông còn hạn chế (01 cán bộ khuyến nông xã là nữ) -Một số hộ dân còn chủ quan chưa di dời các chậu hoa lên cao -Nền đất trồng hoa chưa được tôn cao, không có kinh phí để đưa nền đất cao -Sa bồi thùy hóa, đất trồng trọt 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền kiến thức về trồng trọt, chuyển giao KHKT. - Thường xuyên theo dõi dự báo thông tin thời tiết. - Tuân theo lịch thời vụ. -Liên doanh, liên kết tìm đầu ra cho sản phẩm làm ra. -Xây dựng mô hình, nhân rộng mô hình các loại cây trồng thích ứng với BĐKH, có giá trị kinh tế cao; -Kè chống sạt lở 3km bờ sông Vệ -Đầu tư xây dựng kiên cố hóa hệ thống kênh mương tưới, tiêu. 	
Gia súc, gia cầm bị chết, trời, dịch bệnh khi thiên tai, BĐKH xảy ra	<ul style="list-style-type: none"> -Chuồng trại nằm ở vùng trũng, thấp -Chăn nuôi nhỏ lẻ, chuồng trại chăn nuôi tạm bợ - Người dân chủ quan chưa chủ động đưa gia súc, gia cầm lên cao. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuồng trại chăn nuôi nằm trong vùng trũng thấp và chưa kiên cố. - Chưa thực hiện tiêm phòng đầy đủ. - Chưa chủ động di dời gia súc, gia cầm đến nơi an toàn. - Người dân chưa chủ động dự trữ thức ăn trong mùa mưa, bão. 	<ul style="list-style-type: none"> -Gia cố chuồng trại, đảm bảo kín về mùa đông, thoáng mát mùa hè, làm gác để dự trữ thức ăn cho gia súc gia cầm vào mùa mưa lũ. - Tuyên truyền dự trữ thức ăn cho gia súc, gia cầm trong mùa mưa lũ. - Nâng cao năng lực mạng lưới thú y cơ sở. - Có phương án qui hoạch vùng chăn nuôi tập trung. -Tuyên truyền công tác tiêm phòng đầy đủ. 	

				-Hướng dẫn hộ dân bảo vệ nguồn thức ăn cho gia súc, gia cầm (đưa rom rạ lên gác) -Chủ động di dời, bảo vệ gia súc gia cầm
--	--	--	--	---

2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành, lĩnh vực	Các giải pháp đề xuất	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thời gian dự kiến		Nguồn lực dự kiến
				Ngắn hạn	Dài hạn	
Nhà ở	Hỗ trợ kinh phí xây nhà chống bão cho người dân (93 nhà thiếu kiên cố, 18 nhà đơn sơ) và 02 nhà văn hóa thôn (Thế Bình, Hải Môn)	- Địa điểm: 6 thôn - Hộ nghèo và đối tượng chính sách	- Khảo sát, thiết kế, lập dự toán - Vận động nguồn lực - Lựa chọn mẫu nhà phù hợp - Triển khai thực hiện - Đưa vào sử dụng	X		Dự án GCF Nhà nước, hộ hưởng lợi, các đoàn thể
	Tập huấn cho người dân về kỹ thuật xây nhà chống bão, lũ và cách chằng chống nhà cửa để ứng phó, thích ứng với BĐKH	- 06 thôn. - Người dân	- Xây dựng nội dung, chương trình tập huấn. - Dự toán kinh phí - Tổ chức thực hiện	X		Dự án GCF UBND xã Hộ hưởng lợi
Phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH	- Tuyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH, nước sạch vệ sinh môi trường;	6/6 thôn Người dân	- Xây dựng kế hoạch, nội dung - Lựa chọn hình thức truyền thông: Sinh hoạt chuyên đề, tổ chức hội thi... - Tổ chức thực hiện - Đánh giá rút kinh nghiệm	Mỗi tháng 1 lần		Các tổ chức, đoàn thể: Hội phụ nữ, thanh niên, MTTQ
	Nâng cao kiến thức PCTT, BĐKH cho giáo viên và học sinh thích ứng với biến đổi khí hậu	Giáo viên, học sinh các trường học	- Tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH cho GV và HS. - Tổ chức truyền thông kiến thức PCTT, Giới, giới tính và nhạy cảm giới. - Tổ chức các hội thi tìm hiểu. - Xây dựng trường học an toàn. - Tập huấn sơ cấp cứu cho giáo viên, đội nòng cốt trong trường học.	Hàng năm		Nhà trường Dự án Hỗ trợ

			-XD gốc giảm thiểu RRTT			
	Tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu cho người lực lượng xung kích 6 lớp/6 thôn	Các thành viên trong đội sơ cấp cứu của 6 thôn	- Xây dựng nội dung, chương trình tập huấn. - Dự toán kinh phí - Tổ chức thực hiện	Hàng năm		Dự án GCF UBND xã
	Sơ tán người dân ở vùng có nguy cơ cao đến nơi an toàn	6 thôn	- Lên phương án - Thông báo rộng rãi cho người dân - Thực hiện phương án - Vận động các hộ dân đã được quy hoạch đất ở về nơi ở mới, sớm ổn định cuộc sống	X		UBND xã
	Hỗ trợ trang thiết bị (áo phao, phao cứu sinh,..) cho người dân	- Các hộ dân khó khăn ở vùng nguy cơ cao,	- Khảo sát, lập dự toán - Vận động nguồn lực - Triển khai thực hiện	X		Dự án GCF
	Tổ chức diễn tập về PCTT, BDKH	-Toàn xã	-Xây dựng kịch bản -Tổ chức thực hiện -Đánh giá rút kinh nghiệm	X		UBND xã Dự án
	Hướng dẫn, tuyên truyền người dân biết cách sử dụng điện tiết kiệm, trồng và bảo vệ cây xanh khu dân cư và khu vực bờ sông Vệ	Toàn xã	-Khảo sát -XD kế hoạch -Tổ chức triển khai	Hàng năm		UBND xã Các đoàn thể
Nước sạch và vệ sinh môi trường	Đầu tư hệ thống cấp nước sạch (06 thôn)	Địa điểm: 6 thôn	- Khảo sát, thiết kế, lập dự toán - Vận động nguồn lực - Triển khai thực hiện - Đưa vào sử dụng		X	Kêu gọi đầu tư từ doanh nghiệp
	Xây dựng hệ thống công bi để thu gom bao bì, vỏ thuốc BVTV.	Địa điểm: 06thôn.	- Khảo sát, thiết kế, lập dự toán - Vận động nguồn lực - Triển khai thực hiện - Đưa vào sử dụng	X		UBND xã
	Tuyên truyền cho người dân bảo vệ sức khỏe trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra.	Địa điểm:06 thôn.	- Xây dựng nội dung, chương trình tập huấn. - Dự toán kinh phí - Tổ chức thực hiện -Phát quang bụi rậm, khơi thông cống rãnh thoát nước trước mùa thiên tai.	Hàng năm		Trạm y tế Các đoàn thể

	Hỗ trợ các hộ nghèo xây dựng nhà vệ sinh, bể nước sinh hoạt cho người dân	6 thôn	-Khảo sát -Vận động nguồn lực -Triển khai thực hiện -Đưa vào sử dụng	X		Dự án Các hộ dân
	N Nâng cao ý thức của dân trong công tác bảo vệ môi trường.	Địa điểm: 06 thôn.	Tuyên truyền qua hệ thống loa truyền thanh, sinh hoạt chuyên đề về nội dung bảo vệ môi trường.	Hàng năm		Phụ nữ, Thanh niên
	Mua sắm các thùng rác nơi công cộng	Toàn địa bàn xã	-Khảo sát -Vận động nguồn lực -Mua sắm, lắp đặt -Đưa vào sử dụng	x		UBND xã
	Tăng cường đội ngũ công tác viên y tế thôn.	- Địa điểm: 06 thôn.	- Khảo sát, lập danh sách. - Quyết định tuyển dụng. - Hỗ trợ kinh phí duy trì hoạt động	Hàng năm		UBND xã phối hợp với ngành y tế
	Hỗ trợ cơ sở thuốc và các trang thiết bị y tế.	- Địa điểm: 06 thôn.	- Khảo sát, lập dự toán - Vận động nguồn lực - Triển khai thực hiện	Hàng năm		Trung tâm y tế dự phòng
Chăn nuôi, trồng trọt	Dự trữ nguồn thức ăn cho gia súc, gia cầm trong mùa mưa lũ thích ứng với BĐKH	- Địa điểm: 06 thôn.	Tuyên truyền cho người dân dự trữ thức ăn cho gia súc, gia cầm trước mùa mưa lũ	Hàng năm		Hộ gia đình
	Nâng cao nhận thức cho người dân về kỹ thuật chăm sóc gia súc, gia cầm thích ứng với biến đổi khí hậu.	-Địa điểm: 06 thôn.	-Tập huấn (02 lớp) về kỹ thuật chăm sóc gia súc, gia cầm. - Đào tạo nghề cho lực lượng lao động (ưu tiên lao động nữ)	Hàng năm		Hội Nông dân, UBND xã
	Cơ cấu lại giống cây trồng cho phù hợp với thời tiết ở địa phương	Địa điểm: 06 thôn. - Đối tượng hưởng lợi: người dân	-Tiếp tục dồn điền đổi thửa thành cánh đồng mẫu lớn. - Quy hoạch các vùng rau màu an toàn có giá trị kinh tế cao -Tìm đầu ra cho sản phẩm tạo thành chuỗi liên kết.		x	UBND xã phối hợp phòng NN&PTNT
	Xây dựng mô hình chăn nuôi, trồng trọt thích ứng với BĐKH	6/6 thôn	- Nhân rộng mô hình trồng hoa cảnh, mô hình trồng rau an toàn; Liên doanh, liên kết tìm đầu ra ổn định -Hướng dẫn kỹ thuật trồng hoa, đa dạng các loại hoa cảnh có giá trị kinh tế cao -Quy hoạch mở rộng chăn nuôi gia súc, gia cầm theo		X	Kêu gọi đầu tư từ các doanh nghiệp UBND xã Các hộ

			hình thức trang trại, xa khu dân cư .			dân
	Đào tạo lao động có tay nghề tạo công ăn việc làm tăng thêm thu nhập cho người dân	6/6 thôn	-Tổ chức các lớp dạy nghề cho lực lượng lao động (ưu tiên lao động nữ) -Kêu gọi đầu tư từ các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh		X	UBND xã Nhà nước Doanh nghiệp
Hạ tầng công cộng (Kênh mương thủy lợi, đường giao thông)	-Đầu tư, nâng cấp hệ thống kênh mương thủy lợi.	Địa điểm: 06 thôn. - Đối tượng hưởng lợi: người dân.	-Kiên cố hoá 11,3km đường giao thông nội đồng -Hệ thống cống thoát nước 02 bên đường		x	Nhà nước
	Tổ chức nạo vét hệ thống kênh mương sau mùa mưa lũ.	- Địa điểm: 06 thôn. - Đối tượng hưởng lợi: người dân	- Xây dựng kế hoạch - Huy động nguồn lực - Vận động kinh phí - Triển khai thực hiện	Hàng năm		UBND xã, Hợp tác xã NN
	Nâng cấp hệ thống giao thông nội đồng	Địa điểm: 06 thôn. - Đối tượng hưởng lợi: người dân.	Bê tông hoá 20,8 km đường giao thông nội đồng		x	Nhà nước các dự án
	Xây dựng 3km bờ kè ven sông vệ	Thôn Đông Mỹ, Thề Nặng Đòng Viên,	Khảo sát -Vận động nguồn lực -Thi Công -Đưa vào sử dụng	x		Huy động dự án UBND xã
	Quy hoạch, di dời các hộ ở vùng có nguy cơ cao đến nơi ở an toàn	Thôn Đông Mỹ, Thề Nặng Đòng Viên,	-Khảo sát - Quy hoạch -Vận động các hộ -Tổ chức thực hiện		X	UBND xã Nhà nước Các hộ dân
Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Nâng cấp hệ thống loa truyền thanh đảm bảo 100% hộ dân được tiếp cận thông tin cảnh báo	6/6 thôn	-Khảo sát -Vận động nguồn lực -Mua sắm, lắp đặt -Đưa vào sử dụng	X		Dự án UBND xã
	Lắp đặt các biển cảnh báo những nơi có nguy cơ cao	Toàn địa bàn xã	-Khảo sát -Vận động nguồn lực -Mua sắm, lắp đặt -Đưa vào sử dụng	x		Huy động dự án UBND xã
Phương tiện cứu	Nâng cấp mua mới các trang thiết bị:	Toàn địa bàn xã	Khảo sát -Vận động nguồn lực -Mua sắm	X		Huy động dự án

hộ cứu nạn	Aó phao: 100 cái, 50 phao cứu sinh, 07 cánh cứu thương, 07 túi sơ cấp cứu, 07 ghe, 07 máy cưa, 01 máy phát điện, 2000 m dây thừng, 90 đôi ủng, 60 đèn pin....		-Đưa vào sử dụng			UBND xã
------------	---	--	------------------	--	--	---------

Nơi nhận:

- Tổng cục PCTT (báo cáo);
- Ban QLDA Tỉnh (báo cáo);
- Ban PCTT&TKCN huyện
- TT/Đảng ủy, TT/HĐND Xã;
- CT&các PCT.UBND Xã;
- UBMTTQ và các đoàn thể Xã;
- Ban PCTT&TKCN xã;
- Lưu: VPUBND xã.

**TM.NHÓM HỖ TRỢ KỸ THUẬT
TRƯỞNG NHÓM**

(Đã ký)

**Phạm Văn Tân
PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ**

E. PHỤ LỤC BÁO CÁO

Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá

TT	Họ tên	Đơn vị	Số điện thoại
1	Phạm Văn Tân	PCT-UBND	0984789472
2	Nguyễn Thị Bưởi	CC-VP-TK	01216703679
3	Lê Tuấn Đạo	CT. Hội ND	0933475145
4	Hồ Thị Linh	BT Đoàn TN	0964937959
5	Nguyễn Thị Thanh Thúy	CC-Tài chính-KT	01207956068
6	Trần Văn Dậu	T,Thôn Đông Mỹ	01626216835
7	Bùi Văn Đức	TB. CT MT thôn Hải Môn	01697895121
8	Lê Văn Đức	T.Thôn Thế Bình	01654622839
9	Nguyễn Thị Anh Tuyết	CB Văn hóa thông tin	0978630679
10	Trần Thị Thúy Hồng	Cán bộ khuyến nông	01697367793

Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn

Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá